

39. Kinh phong (co giật)

Kinh phong là một loại chứng trạng xuất hiện trong nhiều bệnh của trẻ em. Trên lâm sàng thường chia làm hai loại: Kinh phong cấp và kinh phong mạn. Cần kết hợp Tây y trong xử lý.

a. Kinh phong cấp

Đa số do sốt cao gây ra, bệnh xảy ra rất nhanh, phát sốt cao, hôn mê, hai mắt nhìn ngược lên, hàm răng cắn chặt, chân tay co quắp, cánh mũi phập phồng, môi mép động đậy, sắc mặt xanh tím, thậm chí đại tiểu tiện dầm dề.

Cách chữa: Lấy huyết Nhân trung, Đại chùy, Hợp cốc, Thái xung, Thiếu thương, Trung xung.

Trước hết chính ra máu các huyết Nhân trung, Trung xung, Thiếu thương; châm Đại chùy, Hợp cốc, Thái xung, dùng cách vê kim.

Gia giảm:

- Sốt cao, gia huyết *Khúc trì*.
- Hàm răng cắn chặt, gia huyết *Giáp xa*.
- Chân tay co quắp, gia huyết *Hậu Khê, Nội quan*.
- Uốn vặn mình, gia *Phong trì, Thân trụ*.
- Đờm nhiều, gia *Liệt khuyết, Phong long*.
- Hôn mê, bất tỉnh, gia huyết *Dũng tuyền*.
- Ngủ không nhắm mắt, gia huyết *Nội quan, Thần môn*.

Giảng nghĩa của phương: Phương này lấy tiết nhiệt, dẹp tà khí, an thần, chữa cơn co giật là chính. Châm *Nhân trung* để thông điều đốc mạch, khai khiếu, tỉnh thần. *Đại chùy* tuyên thông dương khí mà khử biểu tà. *Hợp cốc, Thiếu thương* thanh tuyền phế khí để giảm thân nhiệt. *Thái xung, Trung xung* cũng tiết hoá ở can kinh và tâm kinh, có thêm công hiệu khai khiếu^(*) thanh thần. *Khúc trì* giảm nhiệt. *Giáp xa* điều kinh khí ở mặt. *Hậu Khê, Nội quan* thanh hoá ở tâm, dìm cái dương đang động để dứt co quắp. *Phong trì, Thân trụ* khử phong tiết nhiệt. *Liệt khuyết, Phong long* tuyên phế, giáng trọc^(**), hoá đàm^(***), bổ ích thận thủy, thanh tâm, tỉnh thần. *Nội quan, Thần môn* tiết nhiệt ở tâm kinh để an thần.

b. Kinh phong mạn

Do những đợt thổ tả kéo dài, ốm nặng, tỳ, vị hư nhược gây ra. Triệu chứng: thấy phong cổ xảy ra không nhanh, hình thể gầy yếu, sắc mặt trắng bợt, tinh thần mệt mỏi, ngủ mê, có khi co quắp, chân tay mát lạnh, phân nát, có khi lắc đầu, cứng cổ.

Cách chữa: Lấy huyết *Trung quản, Túc tam lý, Khí hải, Thiên khu*.

Tất cả đều dùng hào kim vê chuyển châm vào. Dùng phép bổ, châm xong thì cứu.

(*) Khai khiếu: Mở những cửa chính yếu của tạng phủ.

(**) Giáng trọc: Làm lắng cái vẫn đục xuống.

(***) Hóa đàm: Làm cho đàm trở lại thành tân dịch.

Gia giảm:

- Có khi co giật thì gia Hợp cốc, Thái xung, Ấn đường.
- Ý thức lơ mơ thì gia huyết Thần môn.
- Cổ cứng thì gia Phong trì, Thân trụ.
- Chân tay mát lạnh thì gia cứu huyết Quan nguyên.

Giải nghĩa của phương: Phương này lấy ôn bổ tỳ, vị, bồi nguyên khí, dẹp phong làm chính. Lấy *Trung quán, Túc tam lý* để kiện vận tỳ, vị, giúp cái gốc của hậu thiên. *Khí hải, Thiên khu* bồi nguyên, điều khí, ôn bổ trường, vị bị hư hàn để trị chứng phân nát. *Hợp cốc, Thái xung* cũng gọi là huyết *Tứ quan*, phối hợp với huyết *Ấn đường* sơ thông dương khí để dứt co quắp. *Thần môn* an thần định chí⁽¹⁾. *Phong trì, Thân trụ* sơ phong, khử tà. Cứu *Quan nguyên* để ôn bổ nguyên dương, khử hàn tà.

⁽¹⁾ Định chí: Tĩnh cảm yên ổn.